

Số: 15 /2014/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 21 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định thu phí sử dụng đường bộ
dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);

Căn cứ Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);

Căn cứ Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định danh mục và mức thu phí sử dụng đường bộ dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2426/TTr-STC ngày 21 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục, mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 đoạn Đồng Xoài - Phước Long theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng chịu phí

Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ bao gồm: phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Điều 3. Đối tượng nộp phí

Người Việt Nam, người nước ngoài trực tiếp điều khiển phương tiện thuộc đối tượng chịu phí quy định tại Điều 2 Quyết định này phải trả phí sử dụng đường bộ khi qua trạm thu phí theo quy định.

Điều 4. Danh mục và mức thu phí:

1. Mức thu phí năm 2014 (áp dụng cho từng trạm)

STT	Loại phương tiện	Giá vé (đồng/lượt)	Giá vé (đồng/tháng)	Giá vé (đồng/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng.	15.000	400.000	1.000.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	20.000	550.000	1.650.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	25.000	680.000	1.850.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng Container 20 Fit	40.000	1.100.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng trên 18 tấn, xe chở hàng bằng Container 40 fit.	80.000	2.160.000	6.200.000

2. Mức thu phí năm 2015 (áp dụng cho từng trạm)

STT	Loại phương tiện	Giá vé (đồng/lượt)	Giá vé (đồng/tháng)	Giá vé (đồng/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng.	20.000	540.000	1.600.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	25.000	680.000	1.850.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	35.000	1.000.000	2.700.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng Container 20 Fit	60.000	1.600.000	4.300.000
5	Xe tải có tải trọng trên 18 tấn, xe chở hàng bằng Container 40 fit.	90.000	2.400.000	6.400.000

Điều 5. Các trường hợp được miễn phí

1. Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.
2. Xe cứu hoả.
3. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.
4. Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.
5. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

Ngoài ra, đối với xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng còn bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: công trình xa, cầu nâng, təc, tổ máy phát điện. Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và

được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).

Xe chuyên dùng phục vụ an ninh (dưới đây gọi chung là xe ô tô) của các lực lượng công an (Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố, Công an quận, huyện) bao gồm:

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe ô tô của lực lượng công an đang thi hành nhiệm vụ sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp.

đ) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

e) Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

6. Đoàn xe đưa tang.

7. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

8. Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “Phí đường bộ toàn quốc” được quy định tại Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính không phải nộp phí khi qua trạm thu phí.

9. Miễn phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy.

10. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị y tế, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

Điều 6. Việc quản lý sử dụng và hạch toán tiền thu phí và các quy định khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực từ 01/9/2014 và thay thế Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh mức thu phí sử dụng đường bộ dự án BOT nâng cấp mở rộng đường ĐT 741, đoạn Đồng Xoài - Phước Long.

Điều 8. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông Vận tải, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Đồng Xoài, Phước Long, Đồng Phú, Bù Gia Mập; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT ĐT 741 Đồng Xoài – Phước Long; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH ^{TML}

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 8;
- LĐVP, CV KTTH, KTN;
- Lưu: VT. ¹⁴



Nguyễn Văn Trầm